TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 18/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Nguyễn Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ, (có mặt);

Bị đơn: Anh Tạ Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày:

Chị và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Y vào ngày 18/8/2016. Trước khi chị kết hôn với anh T, chị đã kết hôn với anh Kim Văn C và đã ly hôn năm 2011. Còn anh T, trước khi kết với chị. Anh T đã kết hôn với chị M, sau khi ly hôn với chị M, anh T kết hôn với chị A và đã ly hôn.

Tại phiên tòa, chị D xác định: Sau ngày cưới, chị về làm dâu nhà anh T được gần một tháng thì chị và anh T lên thành phố Y ở trọ để làm ăn. Chị và anh T làm ăn ở thành phố Y được khoảng 04 tháng, do không làm ăn được nên chị và anh T về quê chị ở Phú Thọ để làm ăn và ở quê chị làm ăn được một thời gian thì anh chị lên huyện M, tỉnh Yên Bái làm ăn cho đến khi chị sinh con thì chị về nhà anh T ở cùng với bố mẹ anh T, còn anh T ở lại Yên Bái tiếp tục làm ăn, thỉnh thoảng về thăm gia đình. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do, trong cuộc sống hàng ngày giữa chị và anh T không hợp nhau nên thiếu sự chia sẻ với nhau. Anh T là người sống chơi bời, buông thả rồi quan hệ bất chính với người đàn bà khác. Khi chị phát hiện ra, chị có khuyên bảo nhưng anh T không nghe, ngược lại chửi bới xúc phạm chị rồi đuổi mẹ con chị buộc chị phải về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tháng 9 năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn anh T. Do anh T và gia đình anh T thuyết phục chị về đoàn tụ, bản thân chị cũng muốn cho anh T một cơ hội nên chị đã xin rút đơn ly hôn để vợ chồng về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Sau khi chị rút đơn ly hôn, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không những không cải thiện mà ngày càng căng thẳng hơn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn là anh Tạ Văn T, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh T. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018 của bà Lê Thị CH là mẹ đẻ anh T trình bày.

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và mâu thuẫn của vợ chồng chị D xẩy ra như lời trình bày trên của chị D là đúng. Tháng 02 năm 2018, chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống thì anh T ở cùng với vợ chồng bà nên bà biết nguyên nhân anh T và chị D phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không hiểu nhau dẫn đến mâu thuẫn từ cái nhỏ rồi đến cái lớn. Sau khi chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, bản thân bà nhiều lần gọi chị D về đoàn tụ với anh T để nuôi dạy con nhưng chị D không về lại còn làm đơn xin ly hôn anh T. Do chị D bỏ về nhà ngoại sống nên anh T cũng lại lên Yên Bái để làm ăn, thỉnh thoảng anh T có về thăm gia đình. Những lúc, anh T không về được thì anh T có điện thoại về cho vợ chồng bà để hỏi thăm sức khỏe và các công việc khác trong gia đình.

Bà CH xác nhận, bà có nhận được tất cả các loại giấy triệu tập của Tòa án gửi về cho anh T yêu cầu anh T đến Tòa án để giải quyết việc chị D xin ly hôn đối với anh T. Sau khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án, bà đã thông báo cho anh T biết toàn bộ nội dung việc chị D xin ly hôn và bảo anh T về nhà để giải quyết nhưng anh T nói với bà là anh đang bận công việc không thể về Tòa án để giải quyết ly hôn với chị D được. Bà CH đề nghị Tòa án giải quyết việc chị D xin ly hôn đối với anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị D và bà CH là mẹ anh T đều xác định, vợ chồng chị D có 01 con chung là Tạ Tuấn N, sinh ngày 14/3/2017, hiện nay cháu N đang ở với chị D. Ly hôn, chị D có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà CH đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức. Chị D xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà CH không nắm rõ được vợ chồng chị D có gì không, sau này anh T về anh T sẽ giải quyết sau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D, cho chị D được ly hôn với anh Tạ Văn T. Giao cho chị D được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Tạ Tuấn N, sinh ngày 14/3/2017. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Sau này anh T về nếu có yêu cầu chuyển dịch quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đá được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị D là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Tạ Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D bà bà CH là mẹ anh T đều xác định chị và anh T kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 8 năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã Y. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Tạ Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tạ Văn T.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị D xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Căn cứ vào lời trình bày của chị D, bà CH là mẹ của anh T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Y. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Phạm Thị D và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Trước khi kết hôn, chị D và anh T đều được tự do tìm hiểu cho nên, cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị D và bà CH là mẹ anh T đều thừa nhận vợ chồng chị D có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do, trong cuộc sống chị D và anh T không hiểu nhau dẫn đến bất đồng quan điểm nên sống thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Chị D về nhà bố mẹ đẻ sống nên vợ chồng sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả chị D và anh T đều không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tháng 9 năm 2017, chị D đã có đơn xin ly hôn đối với anh T nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị D xin rút đơn ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Sau khi chị D rút đơn ly hôn, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T không cải thiện, ngày càng căng thẳng hơn nên chị D tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh T. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh T đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều

51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị D được ly hôn với anh Tạ Văn T.

Về con chung: Chị D và bà CH là mẹ đẻ của anh T đều thừa nhận, vợ chồng chị D và anh T có 01 con chung là Tạ Tuấn N, sinh ngày 14/3/2017, hiện cháu N đang ở với chị D. Ly hôn chị D có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay, anh T không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh T ra sao. Để thuận lợi trong việc trông nom, chăm sóc và tránh làm sáo trộn tâm lý ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của cháu N. Hội đồng xét xử cần giao cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tạ Tuấn N. Sau này khi anh T về nếu có nguyện vọng nuôi con thì anh T sẽ đề nghị chuyển dịch quyền nuôi con bằng một vụ án khác. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại anh T không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T để biết được nguyện vọng của anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị D phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Tạ Văn T.

2/ Về con chung: Giao con chung là Tạ Tuấn N, sinh ngày 14/3/2017 cho chị Phạm Thị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Tạ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với chị D, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của anh T.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002080 ngày 30 tháng 3 năm /2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, chị D đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Y;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh